

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2019

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền.

2. Ông Thái Khắc Thân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 254/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ HKTT: Ấp C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Mã Lý A, sinh năm 1974 (vắng mặt) ;

Địa chỉ HKTT: Ấp L, xã Xà, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Mã Lý A quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 24 tháng 3 năm 2008.

Trong quá trình 10 năm chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Mã Lý A thường xuyên tụ tập bạn bè, cờ bạc, không lo cho gia đình, bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông A vẫn không thay đổi. Ông A vẫn cờ bạc gây nợ nần, tài sản trong gia đình đều phải mang đi bán để trả nợ cho ông A. Từ đó, tình cảm vợ chồng cũng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông A đã tự ý chấm dứt cuộc sống chung từ đầu năm 2019 đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A

Về con chung: Bà T và ông A có 03 người con chung là Mã T, sinh ngày 07/12/2008, Mã P, sinh ngày 14/01/2010 và Mã N, sinh ngày 17/5/2016

Theo nguyện vọng của con, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) Và tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn:** Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Sau nhiều lần vắng mặt, đại diện Tòa án đã kết hợp cùng với địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông A và tìm hiểu nguyên nhân vắng mặt của ông A nhưng không gặp được ông A.

Qua xác minh tại địa phương: Công an xã cung cấp: Ông Mã Lý A có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên thực tế ông A đang sống tại ấp C, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông A

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Mã N, sinh ngày 07/12/2008, Mã P, sinh ngày 14/01/2010 và Mã N, sinh ngày 17/5/2016 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn hiện đang sống tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Mã Lý A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Điều 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Nguyễn Thị T và ông Mã Lý A tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà T và ông A đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 1/2008 ngày 24/3/2008. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông A là hôn nhân hợp pháp.

Hiện nay giữa bà T và ông A không còn tình cảm với nhau. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng đối với nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và xô xát nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Mặt khác bà T cho rằng ông A ham mê cờ bạc, gây nợ nần, bà đã phải bán hết tài sản trong gia đình để trả nợ cho ông A, nhưng ông A vẫn không từ bỏ cờ bạc. Bà T và ông A đã tự sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà T, ông A đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái nhưng ông A đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông A không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà T nữa.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà T, ông A đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T với ông A.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông A có 03 người con chung là Mã N, sinh ngày 07/12/2008, Mã P, sinh ngày 14/01/2010 và Mã N, sinh ngày 17/5/2016. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng muốn trực tiếp chăm sóc cả ba con chung cho đến tuổi trưởng thành. Và tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét từ khi bà T và ông A ly thân cho đến nay, cả ba cháu đều ở với bà T và nguyện vọng của cháu Hùng, cháu Thư vẫn muốn được tiếp tục sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cả ba con chung cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vì thế yêu cầu về nuôi con của bà T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Mã Lý A.

2. Về con chung: Giao con chung là Mã N, sinh ngày 07/12/2008, Mã P, sinh ngày 14/01/2010 và Mã N, sinh ngày 17/5/2016 cho bà Nguyễn Thị T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Mã Lý A cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mã Lý A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008599 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NDKKH: UBND xã Tân Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Văn Thị Hiền**

